

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020

*“V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP-TỈNH BÌNH PHƯỚC
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Đình Minh

Bà: Điều Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Văn Hôn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Điều M, sinh năm 1995 (có mặt)

Bị đơn: chị Điều Thị A, sinh năm 1998 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn anh Điều M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh M và chị A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh M và chị A chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp và cũng do kinh tế không ổn định nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã

sống ly thân từ năm 2019 nên anh Điều M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Điều Thị A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh M và chị A có 03(ba) con chung tên Điều Minh T, sinh ngày 16/5/2013, Điều Minh K, sinh ngày 08/10/2014 và Điều Minh T, sinh ngày 23/6/2016. Khi ly hôn, anh M yêu cầu vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03(ba) con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Điều M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Điều Thị A vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị A vẫn vắng mặt nên không có trình bày gì.

Tại các biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện B với cha mẹ ruột của chị Điều Thị A là ông Điều H và bà Điều Thị T, ông bà cho biết vợ chồng chị A và anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong quá trình chung sống giữa chị A và anh M có xảy ra cãi vã lẫn nhau, vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải hai lần nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng anh M và chị A đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện nay, con chung đang sống cùng với Điều M, cuộc sống ổn định và học tập tốt.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: được ly hôn chị A, được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến lúc con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Chị A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh Điều M được ly hôn chị Điều Thị A và giao 03(ba) con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Điều M thuộc trường hợp “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chị Điều Thị A vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay. Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Anh Điều M và chị Điều Thị A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh M và chị A chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng hai cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh Điều M và chị Điều Thị A đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Điều M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh M và chị A có 03(ba) con chung tên Điều Minh T, sinh ngày 16/5/2013, Điều Minh K, sinh ngày 08/10/2014 và Điều Minh T, sinh ngày 23/6/2016. Hiện nay, các cháu đang đi học và có cuộc sống ổn định cùng với anh Điều M, tại biên bản tự ghi lời khai cháu T có nguyện vọng được sống chung với anh Điều M. Chị A không có ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và để đảm bảo sự sinh hoạt phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ, cần giao 03(ba) con chung tên Điều Minh T, sinh ngày 16/5/2013, Điều Minh K, sinh ngày 08/10/2014 và Điều Minh T, sinh ngày 23/6/2016 cho anh Điều M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Điều M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Điều M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Điều M được ly hôn chị Điều Thị A.

2. *Về con chung*: Giao 03(ba) con chung tên Điều Minh T, sinh ngày 16/5/2013, Điều Minh K, sinh ngày 08/10/2014 và Điều Minh T, sinh ngày 23/6/2016 cho anh Điều M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Điều Thị A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: anh Điều M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Điều M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017264 ngày 28/4/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Phước Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quang Lâm